

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Q  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: 121/2020/QĐST-HNGĐ

*Q, ngày 03 tháng 7 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q –THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 35; Điều 39; Điều 143; Điều 144 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ 51; Điều 54; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117 /2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu:* **Chị Nguyễn Thị D**, sinh ngày 01/4/ 1991.

ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Ngọc Th, xã Ngọc M, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

*Người yêu cầu:* **Anh Đỗ Xuân B**, sinh ngày 21/11/1987.

ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Ngọc Th, xã Ngọc M, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Đỗ Xuân B tìm hiểu tự nguyện cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc M, huyện Q ngày 10/02/2014, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường đến tháng 01/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được và từ tháng 5/2020 đến nay tôi về nhà mẹ đẻ sống và hai người sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng gây càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên D và anh B yêu cầu Tòa án xem xét công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị D và anh B có 2 con chung là Đỗ Bình M, sinh ngày 14/12/2014 và cháu Đỗ Trung H, sinh ngày 12/3/2017. Khi ly hôn chị D và anh B thỏa thuận anh B nuôi cháu M còn chị D nuôi cháu H đến khi trưởng thành hoặc đến khi có quyết định khác;

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D và anh B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Nguyễn Thị D và anh Đỗ Xuân B không có nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D và anh Đỗ Xuân B tự nguyện thỏa thuận chị Dung chịu toàn bộ án phí Việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Đỗ Xuân B.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị D và anh B có 2 con chung là Đỗ Bình M, sinh ngày 14/12/2014 và cháu Đỗ Trung H, sinh ngày 12/3/2017. Khi ly hôn chị D và anh B thỏa thuận anh B nuôi cháu M; chị D nuôi cháu H đến khi trưởng thành hoặc đến khi có quyết định khác;

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị D và anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Dung và anh Bình có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, công sức, công nợ*: Chị Nguyễn Thị D và anh Đỗ Xuân B không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị D tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí Tòa án là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0011140 ngày 16/6/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- UBND xã;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

*Kiều Văn Thành*